

VỀ MỘT SỐ GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG SỬ THI TÂY NGUYÊN

PHẠM VĂN HÓA ^(*)

Bản thân sử thi, cùng các phương tiện, phương thức tạo nên nó cũng đã là một phương diện của văn hóa. Song sử thi, cũng như các thể loại dân gian khác, là những hình thái khác nhau của nghệ thuật ngôn từ, dùng ngôn ngữ làm phương tiện biểu hiện, nên ngoài tư cách là yếu tố của văn hóa, nó còn có tư cách là nơi lưu giữ và tàng ẩn những trầm tích văn hóa lâu đời của dân tộc. Người Ấn Độ có câu: “Cái gì không có trong đó (*Ramayana* và *Mahabharata*) thì cũng không có ở bất cứ nơi nào trên đất Ấn Độ”. Đối với sử thi Tây Nguyên, chúng ta có thể nói rằng nó là “bách khoa”, là kho tri thức về cuộc sống của người Tây Nguyên. Nói cách khác, sử thi Tây Nguyên lưu giữ những dấu ấn, những chứng tích văn hóa. Những giá trị văn hóa đó nhiều khi bị che lấp bởi “lớp bụi của thời gian”, qua những câu từ, người đọc không dễ gì phát hiện ra.

Qua khảo sát một số tác phẩm sử thi các dân tộc Êđê, Bana, M’nông, như: *Đam Săn*, *Giông*, *Giở mồ côi từ thuở bé*, *Giông nghèo tám vợ*, *Tre Vắt ghen ghét Giông*, *Giông cứu nàng RangHu*, *Trâu bon Tiăng chạy đến bon Krông*, *Lơng con Jiăng*, chúng tôi nhận thấy có một

bức tranh toàn cảnh về văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần được biểu hiện rất sống động. Đó là một thế giới hình ảnh phong phú về động vật, thực vật, cảnh vật, đồ vật... gần gũi với đời sống. Đó là những cảm quan về tâm linh, về tôn giáo, về đời sống cộng đồng... của người Tây Nguyên.

1. Lưu giữ văn hóa vật chất

Ở sử thi Tây Nguyên, cảnh núi rừng, làng buôn, cảnh những ngôi nhà dài, nhà rông với những công cụ và vật dụng, cách ăn mặc, trang sức của đàn ông, đàn bà... được nói đến một cách chân thực, sinh động.

Trong sử thi Tây Nguyên, thế giới động, thực vật vô cùng phong phú. Cây lương thực chính là lúa gạo (lại có rất nhiều loại như *bake*, *djiang*, *prit*...) và các loại cây lương thực khác như ngô, khoai, sắn. Cây hoa màu như bầu, bí, mướp, dưa. Trong rừng có nhiều loại cây như lồ ô, tre, sa, song... Chim chóc như *vik*, *rling*, thú vật như voi, trâu, hổ, khỉ... Các loại thủy sản cũng rất phong phú về chủng loại: tôm, cá... với tất cả

(*) ThS., Khoa Ngữ văn và Văn hóa học, Đại học Đà Lạt.

hình dáng và sắc màu của chúng. Các loại cây, cỏ, hoa, lá được nhắc đến nhiều lần trong các sử thi gắn liền với không gian núi rừng và làng buôn Tây Nguyên. Đó là núi rừng bạt ngàn, nương rẫy trù phú và là sức sống mạnh mẽ, tình yêu thương, sự gắn bó cộng đồng của con người nơi núi rừng làng buôn. Ở đó “các cô gái vội đi lấy nước, chuối chín, mía, khoai” (3, tr. 24). “Cha mẹ đi đào khoai rừng, đào được củ rồi ta sẽ nấu ăn..., dây khoai to bằng cổ tay, leo cao tít tận phía trên..., củ khoai to bằng bắp đùi” (3, tr.37).

Hình ảnh những cây quả của rừng hay sản phẩm của nương rẫy thường xuất hiện trong sự đối sánh với những con người khỏe mạnh, xinh đẹp. Một chàng trai khỏe mạnh được miêu tả: “Đầu bịt khăn nhiễu, thắt dây lưng xanh, bắp tay như ống lồ ô, chắc như cây chà rang. Bắp chân to như cây chuối non, chắc như lõi cây ké. Đầu to như bí đỏ...” (1, tr.169). Còn những cô gái xinh xắn, trẻ trung: “Nhà ấy có hai cô con gái. Cô nào cũng đẹp như trăng rằm. Hai chị em như hai giọt sương đọng trên lá. Như hoa mơ dung nở tháng ba. Da trắng như hoa bầu. Mặt đỏ như hoa dâm hring nở tháng sáu...” (1, tr.153). Tên của mỗi loại cây, loại hoa quả được gắn với một sắc thái tình cảm, một sự nhìn nhận. Để diễn tả sự xúc động trong tình yêu, nghệ nhân hát: “Tim nàng rụng xuống như trái xuh, rơi ra như trái bí...” (2, tr.31). Để diễn tả sự tức giận thì: “Tim tụi nó rất như xoa ớt, xát muối. Mắt tụi nó cay, miệng tụi nó đắng” (2, tr.41)...

Ở đây phần nào chúng ta thấy nền văn hóa cổ truyền của các dân tộc Tây Nguyên được hình thành chủ yếu trên

nền kinh tế nông nghiệp nương rẫy, phụ thuộc vào thiên nhiên, gắn bó với núi rừng.

Qua những con vật xuất hiện trong sử thi chúng ta thấy hình ảnh một cộng đồng người sống gần gũi với núi rừng: “Họ đi đã gần tới thượng nguồn, chim chóc mừng vui hót trên ngọn cây. Khỉ, thỏ và các giống thú khác vui sướng rủ nhau chạy theo sau, đón mừng Giông, Giở” trở về (3, tr.66). Tuy nhiên, gắn bó với người Tây Nguyên nhiều hơn cả là hai con vật voi và trâu. Đây là những con vật đóng vai trò quan trọng trong đời sống của người dân nơi đây. Hai con vật này trở thành biểu tượng của sức mạnh, sự giàu có, uy thế của buôn làng. Voi được xem là thang giá trị đánh giá sức mạnh và lòng can đảm của một chàng trai bước vào tuổi trưởng thành. Con voi trở thành biểu tượng của sức mạnh, sự giàu có với đồng bào Tây Nguyên. Chúng ta thường thấy hình ảnh con trâu, con voi khi nói đến sức lực của các chàng trai: “Chàng Đăm Di lấy sức mạnh của mình bằng một con trâu”; “Tiếng chàng nói giá đổi bằng con trâu, tiếng chàng cười đổi bằng giá một con voi” (6, tr.420). Chúng ta sẽ rất bất ngờ và thú vị khi thấy rằng con voi đã trở thành biểu tượng đối với cả mỹ nhân. Vẻ đẹp của nàng Hơbia Polao được ví: “Nàng bước đi nhẹ nhõm như voi đập vôi, bước đi lặng lẽ như cá bơi dưới nước.”; “Vú em cong như ngà voi” (6, tr.378). Con voi trở thành một giá trị cao nhất, thiêng liêng nhất. Tương tự như vậy, đồng bào cũng rất quen thuộc với con trâu. Con trâu, theo truyền thuyết, là con vật đưa đường cho con người tìm đến vùng đất màu mỡ. Dần dần con trâu trở thành con vật thiêng,

chuyên dùng trong các lễ hiến tế. Trong sử thi Tây Nguyên, các nhân vật anh hùng thường được so sánh với con trâu: “Chàng Đăm Di làm sức của mình mạnh bằng con trâu”; “Xing Mưn lấy sức bằng 6 con trâu”; “Những chàng trai khỏe hơn trâu đực”; “Xing Mưn và Prông Mư vật nhau như hai con trâu đã nổi giận ghen cái”; “Xing Mư Nga: Chúng tôi sẽ đền bằng giá bảy con trâu”. Chúng ta thấy con trâu trở thành một thang giá trị. Tiếng nói đối bằng một con trâu là rất quý, sức mạnh cũng được đo bằng sức một con trâu. Tóm lại, thông qua sử thi, chúng ta hiểu phần nào đời sống, sinh hoạt văn hoá của người Tây Nguyên.

Trong xã hội Tây Nguyên, công việc chính của đàn ông là đan lát, rèn đúc, chặt cây, tham gia chiến đấu khi có chiến tranh. Thực vậy, những nhân vật như Giông, Đam Săn, Đăm Di là những chàng trai vừa phi thường trong trận chiến bảo vệ sự bình an cho buôn làng lại vừa giỏi giang trong các hoạt động lao động sản xuất khác như chặt cây, phá đá, vào rừng săn bắn, làm rẫy, dựng nhà rông, nhà mồ... Còn người phụ nữ của làng buôn Tây Nguyên thì quanh quẩn với giã gạo, bổ củi, gùi nước, nấu cơm, kéo sợi, dệt vải... Những công việc đó đều được sử thi nói ra một cách chân thực và đầy đủ: “Giã gạo, gùi nước, thổi cơm, kiếm củi, việc nào các bà cũng làm hết” (3, tr.86). Qua sử thi chúng ta thường thấy cảnh các chàng trai “làm lụng suốt ngày không nghỉ, nếu không lên rẫy chàng dẫn mọi người dắt chó vào rừng săn hươu, nai, chim, chuột đem về ăn với củ rừng” (2, tr.46). Và hình ảnh những người phụ nữ đi xúc cá như: “Một hôm, chợt thấy buồn vì

ngồi mãi trong buồng, nàng bỗng muốn đi xúc. Nàng đi ra rủ các chị cùng đi...”; “Hai bà lão liền đặt gùi, buộc giỏ vào eo lưng, xong thì lội xuống hồ xúc ngay. Mặc dù lội đi xuống khó khăn, hai bà vẫn xuống một cách thật dễ dàng. Hai bà xúc một lúc đã đầy giỏ, toàn những cá là cá chú không lẫn những con gì khác” (3, tr.96). Trong sử thi M’Nông có những khung cảnh thật lãng mạn - “nàng” bắt cá, “chàng” đi săn:

“Em xúc tôm tép dưới suối

Anh cầm ná đi săn trên bờ

Anh còn hái rau bẻ măng” (5, tr.247).

Chúng ta như thấy được *hình ảnh của xã hội thị tộc mẫu hệ* qua cảnh “phân công lao động” của người đàn bà có uy quyền trong gia tộc. Chúng ta cũng biết được phong tục trong các gia đình dân tộc Tây Nguyên xưa, sáng dậy người phụ nữ giã gạo, nấu cơm, còn đàn ông không làm gì cả: “Gà gáy lần đầu, nàng đã trở dậy thổi cơm, nấu thức ăn. Sáng sớm khi cơm và thức ăn của nàng đã chín, đàn ông trong nhà mới thức dậy” (2, tr.131). Ăn cơm xong, họ mới làm việc: “Đàn bà ngủ dậy lo đi giã gạo, đàn ông ngủ dậy chỉ trông đầu gối”... Nhất là công việc sản xuất nương rẫy, săn bắn và hái lượm, cũng như cảnh hạn hán, mất mùa đều được sử thi đề cập đến một cách khá chân thực và sinh động. Từ cảnh hái rau, đào củ rừng, lấy củi, thăm rẫy đến tên gọi các vũ khí, dụng cụ sản xuất, bẫy đuổi chim muông phá hoại mùa màng... đều được sử thi kể ra đầy đủ.

Trong những sử thi, chúng ta cũng nhận ra nét *văn hóa ẩm thực của người Tây Nguyên* qua hình ảnh các món ăn

thức uống quen thuộc và ngon lành trong các hoạt động cộng đồng cũng như trong gia đình. Cơm gạo là lương thực chính. Các món rau được hái từ rừng hay các đám đất quanh buôn làng. Đi đâu xa họ chỉ cần gói một nắm cơm: “Nàng Bia Pơngơ chuẩn bị cho hai anh em gạo, lại gói thêm cơm” (3, tr.54). “Tối nhà liền đi nắm cơm, lấy muối bỏ vào trong những chiếc gùi rách” (3, tr.93).

Cách chế biến thức ăn khá đơn giản, chủ yếu là luộc và nướng: “Lại đem gùi rổ cát vào trong chòi. Xong, lại đốt lửa nướng cá, luộc rau” (3, tr.98). Rượu là thức uống rất quen thuộc của người Tây Nguyên. Vì rượu đựng trong các ché nên có nhiều kiêng kỵ, nghi thức khi ủ men cũng như lấy nước. Như trầu cau của người Việt, mỗi rượu là biểu thị cho lòng hiếu khách. Khách quý vào nhà, chủ nhà sẽ mời uống rượu theo phong tục. Khách nếm một hơi rượu đầu, sau đó “chủ uống trước, khách theo sau”: “Ông Rớh vội gài rượu, sai tôi tớ giết con lợn to có răng nanh mọc chìa mép làm lễ uống mừng gặp Xết” (3, tr.24). “Cơm ăn xong, các cô lại gài rượu ngay giữa nhà để trò chuyện, làm quen” (2, tr.31). Người ta xem rượu là một thứ nước uống trong các dịp gặp gỡ: “Xết vào buồng Bia Xin, Bia Xin gài thêm một tơm rượu khác... Bia Xin và Xết trò chuyện bên ghè rượu.” (2, tr.32). Trong các dịp lễ hội, cưới hỏi, tang ma người ta ăn uống “suốt hai kỳ trăng”, rượu hết thì lấy thêm rượu khác, thức ăn hết thì giết thêm lợn, bò. “Bok Tolum đi bắt một con lợn thật to giết thịt, lại gài thêm vài gè rượu nữa (3, tr.51). Với người Tây Nguyên sự giàu có được đo bằng số ché rượu, lúa gạo chất đầy nhà, bằng số thịt các con vật đã giết trong một ngày hội cộng đồng.

Qua sử thi chúng ta thấy *hình ảnh những ngôi nhà sàn, nhà dài, nhà rông* quen thuộc trong các làng buôn Tây Nguyên: “Ngôi nhà rông của hai chàng dựng xong, cao chót vót tới tận vòm trời xanh. Ngược mặt trông lên, thấy choáng váng như muốn ngã.” (3, tr.69). Ở đó đêm đêm các chàng trai ngủ để gác cho buôn làng ngon giấc: “Từ ngày ngôi nhà rông dựng xong, hai anh em và trai tráng trong làng không ngủ ở nhà nữa mà ngủ ngay trong nhà rông. Tối bữa thì về nhà ăn cơm, ăn xong lại lên nhà rông đan nia, thúng, đan gùi, rổ...(3, tr.69). Các lối trang phục của người Tây Nguyên cũng hiện lên trong các sử thi rất sinh động. Hãy nhìn chàng Đam Săn lựa chọn trang phục để tiếp khách: “Đam Săn bỏ lại khố cũ, quần khố mới. Áo này chưa vừa lòng, chàng lấy áo kia. Chàng quấn một khố soc điểm hoa kơu, chít một khăn điểm hoa êmiê...” (3, tr.147). Còn nàng Giên Yươu thì váy áo sắc sỡ: “Nàng thay váy mới thật đẹp. Chiếc váy ngắn cũn, bảy lớp vải mà vẫn còn trông thấy làn da đùi trắng nõn nà” (3, tr.25). Có thể thấy y phục của họ không chỉ có giá trị sử dụng mà còn có giá trị thẩm mỹ cao.

Qua sử thi Tây Nguyên, chúng ta như được sống lại một giai đoạn lịch sử của người Tây Nguyên. Ở đó đời sống vật chất tuy còn nghèo nàn nhưng thật ân tình, mộc mạc; con người vẫn vươn lên và khẳng định mình giữa núi rừng đại ngàn. Cho đến nay những trầm tích của nó vẫn còn lưu lại trong đời sống của người Tây Nguyên.

2. Lưu giữ văn hóa tinh thần

Bên cạnh không gian văn hóa vật thể có một không gian văn hóa phi vật thể của đời sống Tây Nguyên được thấp

lên trong các sử thi. Đó là “miền” văn hóa rất thực mà rất ảo, thật gần gũi cũng thật xa vời.....

Đã thành tập tục, trước lúc đi đâu hay thực hiện một việc quan trọng nào đó, người Tây Nguyên luôn cúng thần linh để được phù hộ. Trong sử thi của họ cũng vậy. Để có được những rẫy tốt, mang lại mùa vụ bội thu, việc chọn rừng làm rẫy là công việc hết sức quan trọng, Giông (Sử thi *TreVắt ghen ghét Giông*) đã xét đoán theo điềm báo của thần linh: “Ban đêm, trong giấc ngủ Giông thấy linh hồn Bok Koidoi hiện về nói: Ở đăm Giông, mai chớ dẫn mọi người tới phát rẫy nơi ấy nhé! Nếu không vâng lời ta ắt có chuyện xảy ra đó” (2, tr.78). Trước giờ ra trận hay đi đâu xa, các nhân vật đều cầu khẩn thần linh để thần linh trợ giúp. Việc tiến hành lễ nghi cũng được kể ra chi tiết, cụ thể. Nhân vật Giông cầu xin trước khi ra trận đánh Jrai, Lao: “Ta ước xin thần nghe. Hôm nay dâng lễ tế này cho thần có gan trâu cái lâu năm, gan bò lâu năm, gan lợn loại lợn đốm được cái ghè, gan dê, loại dê có giá ngang với ghè và có cả tim gà trống to, gà mái đang ấp... Vậy tôi xin thần linh cho tôi sẽ chiến thắng. Hỡi các thần núi, thần nước, thần cây le, thần dây mây hãy phù hộ cho tôi. Hãy trả lời tôi đi” (4, tr.316).

Tín ngưỡng của người Tây Nguyên trong cuộc sống như bùa ngải được sử thi phản ánh vào những trường hợp khá cụ thể. Bùa ngải có khả năng biến hóa khôn lường, và có sức mạnh vạn năng. Người ta tin một số người có khả năng trừ bùa giải ếm và đem lại điều lành cho buôn làng. Trong sử thi *Giông, Gió mờ cõi từ thuở bé*, nàng Bia Pơnơng, con gái lão người rừng Bok Tolum, có một thứ

thuốc thần, một sợi dây thần, đã giúp Giông chiến thắng Bok Tolum và giúp Gió hồi sinh. Còn hai nàng Xem Yang và Rang Hu thì có khả năng làm cho Xét và Bia Xin hồi sinh, khi mà hai người này đã chết từ rất lâu rồi. Muốn đạt được một điều gì đó hoặc khi gặp hoạn nạn trong cuộc sống, người ta thường cầu xin Yang giúp đỡ, che chở: “Nàng nghĩ biết làm sao để Xét quay lại với mình bây giờ. Rồi nàng chợt nghĩ đến Yang, nhờ Yang giúp đỡ” (2, tr.35). Thần linh với người Tây Nguyên có vị trí thiêng liêng nhưng cũng rất gần gũi, rất “người”: “Bia Xin cầu xin Yang giúp đỡ, Yang nói: Ở mõ ta sẽ giúp con, việc này với ta chẳng khó gì, rồi Xét sẽ quay lại với con. Ta hứa sẽ giúp con, vậy con sẽ tạ ơn ta vật gì?” (2, tr.36). Và Bia Xin hứa tạ ơn Yang một con gà bằng vàng. Một thời gian sau, lời cầu xin của nàng được đáp ứng nhưng vật tạ ơn vẫn chưa có. Yang đã hiện ra trước mặt Bia Xin: “Ồ Bia Xin, việc ta giúp con đã xong... Vậy con chưa nghĩ đến việc tìm gà cho ta như lời hứa sao?” (2, tr.52). Bia Xin không tài nào có lễ vật tạ ơn và rồi Yang trừng phạt làng Xét. Thần linh trong sử thi chính là sự phản chiếu đời sống tín ngưỡng của con người Tây Nguyên.

Qua sử thi, chúng ta biết được trước đây, khi gia đình M’nông có người hay một số động vật khác sinh nở, họ có tục kiêng người ngoài gia đình vào nhà một thời gian nhất định:

“Con dê đẻ ba đêm hết cử

Con heo đẻ bốn đêm hết cử

Con người đẻ bốn đêm hết cử” (5, tr.391).

Trong các sử thi Bana, người đàn ông khá chủ động khi tìm đến tình yêu

của mình: “Một chiều, Xét rủ đám trai làng trong làng rông đi thông (đi chơi) xem Bia Xin có đẹp thật không (2, tr.30). Còn trong các sử thi Êđê, chúng ta thấy thái độ phản kháng với hủ tục chuê nuê. Nhìn chung, các dân tộc Tây Nguyên quan niệm tình yêu nam nữ là phải trên cơ sở tình yêu tự nguyện và hai người không quá chênh lệch về tuổi tác. “Các em thử nghĩ xem, nếu trẻ trung, xinh đẹp, bắt phải lấy ông già, các em có bằng lòng không?” (3, tr.101). Tình yêu đắm say của Giông, Giở với hai nàng Xem Yang và Rang Hu được lý giải thật đơn giản: “Hai chàng đã không cưỡng lại được thứ bùa mê đã thấm vào người” (3, tr.93). Quả thật, đọc bất cứ tác phẩm sử thi nào của Tây Nguyên, chúng ta cũng thấy ở đó thứ tình yêu đắm say như thế.

Trai gái yêu nhau bằng lòng sẽ lấy nhau thì đổi vòng: “Chuyện trò xong, Bia Xin ngỏ ý đổi vòng” (2, tr.33). Nhưng “từ khi quen biết Hlarkông, Xét không còn đi thông Bia Xin, không còn thương nàng nữa... chàng và Hlarkông đổi vòng, sắp sửa lấy nhau” (2, tr.34). Lễ uống cưới sẽ được tổ chức sau đó với “dân làng, đàn ông, đàn bà, gái trai. Người ta mổ thịt hàng trăm con trâu, hàng nghìn con bò. Lợn gà cũng giết hàng trăm hàng nghìn con như vậy” (2, tr.43). Các nghi thức trong lễ uống cưới cũng được kể ra khá đầy đủ. Khi có con, nếu sinh con gái người ta “cúng bằng cào”, nếu “để con trai cúng chúng bằng riu”...

Sử thi còn đề cập đến nhiều phong tục tập quán khác của người Tây Nguyên, chẳng hạn nghi lễ kết nghĩa cha con của Bok Tolum và Giông (Sử thi

Giông, Giở mồ cô từ thuở bé) được kể khá tỉ mỉ:

“Bok Tolum nghe Giông trả lời như thế thì bảo chàng:

- Con à, nếu con muốn làm cha con với ta thì ta cũng rất vui lòng!

Thế rồi, lão lấy tiết lợn rót vào một cái bát, nói:

- O Giông con, trước khi chúng ta cùng uống rượu kết nghĩa cha con, ta phải cho con bú ta trước đã. Con hãy tới đây ngủ trong lòng ta đi nào!”.

Giông nằm xuống ngủ trong vòng tay Bok Tolum, Bok Tolum đổ bát huyết lợn lên đôi núm vú, cúi xuống bên Giông bảo chàng hãy bú. Giông liền ngậm bú vú lão. Đúng lúc đó, Bok Tolum cất lời dặn dò: “O con, từ hôm nay chúng ta đã thành cha con...” (3, tr.52).

Sử thi có nhiều đoạn nói về lễ hội đâm trâu. Ở đây chúng tôi bắt gặp nhiều chi tiết trùng khớp với lễ hội đâm trâu diễn ra trong cuộc sống của người Tây Nguyên. Đầu tiên người ta hỏi ý kiến già làng cúng chọn trâu: “Khi cúng chỉ có thấy chuồng trâu. Thấy con trâu to mập nhất đàn. Trên lưng nó có những vũng nước đọng. Bây giờ phải giết con trâu đó. Anh phải đi bắt con trâu đó ngay” (5, tr.572). Đến việc chặt cây gạo chôn ở nơi buộc trâu, các động tác đâm trâu, việc lấy huyết trâu phết vào chén rượu để xẻ thịt và đem chia “không thiếu một nhà”... tất cả đều được kể ra như chúng vẫn diễn ra trong thực tế vậy. Xem chàng Lênh đâm trâu thật dũng mãnh, chúng ta hình dung chàng trai Tây Nguyên trong lễ hội đâm trâu: “Lênh cầm lao đâm trâu, bước nhẹ đi không nghe tiếng động. Lênh đi trông như con sóc. Lênh giơ lao lên cao. Rồi

chém vào chân trâu. Chân trâu đã đứt. Lênh dưng lao dâm vào hông. Con trâu ngã xuống” (5, tr.574). Đến bây giờ, ở Tây Nguyên, đồng bào vẫn còn giữ nguyên tục lệ này. Và lễ hội đâm trâu trong trường ca M’Nông lại được nhắc tới như một sinh hoạt văn hóa đầy tự hào: “Bon Tiăng ăn trâu không sót một năm. Bon Yang ăn trâu không sót một năm. Dựng cây nêu không thiếu một tháng... Tiếng Tiăng, Yang đã vang khắp nơi”(5, tr.612).

Bên cạnh các hình thức folklore ngôn từ, là âm nhạc. Tên nhiều loại nhạc cụ, chức năng và công dụng của chúng trong đời sống của người Tây Nguyên được sử thi kể ra một cách khá chân thực. Công chiêng là loại nhạc cụ vừa đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí vừa thực hiện chức năng là chiếc cầu nối giữa con người và thần linh. Có thể xem đây là một nét văn hóa độc đáo, gắn với mọi sinh hoạt của cộng đồng buôn làng Tây Nguyên. Nó gắn với cuộc đời của mỗi con người từ lúc mới lọt lòng đến khi trưởng thành, có vợ có chồng, khi có chuyện buồn vui, khi về thế giới bên kia và cuối cùng trong lễ pothi. Lúc ở nhà, Đam Săn “nằm trên võng, tóc thả xuống một chiếc chiêng đồng”. Khi HơNhí chuẩn bị đi hỏi cưới Đam Săn, tiếng công chiêng rộn ràng tấu lên: “Đánh những tiếng chiêng kêu nhất, những chiêng ầm tiếng nhất! Đánh cho tiếng chiêng lan ra khắp xứ! Đánh cho tiếng chiêng luồn qua nhà sàn, lan xuống dưới đất! Đánh cho tiếng chiêng vượt qua mái nhà vọng lên trời. Đánh cho khỉ trên cây cũng quên bám chặt vào cành đến phải ngã xuống đất! Đánh cho âm hồn nghe tiếng cũng thôi hại người. Đánh cho chuột sóc cũng quên đào

hang. Cho rắn bò ra khỏi lỗ. Cho hươu nai phải đứng thình mà nghe. Cho thỏ lảng tai không kịp ăn cỏ” (1, tr.158). Đây là đoạn tả tiếng công chiêng hay nhất, được nhắc đến nhiều lần trong sử thi Đam Săn, như: Khi HơÂng đón người nhà HơNhí, khi HơNhí và HơBhí chết do Đam Săn chặt cây thần Smuk, công chiêng đánh lên để dân làng chia buồn, khi Đam Săn chiến thắng M’tao Mxây, khi mọi người chúc Đam Săn cháu kế tục sự nghiệp của cậu... Công chiêng thể hiện sự giàu có, niềm kiêu hãnh về sức mạnh vật chất, uy tín của cá nhân và buôn làng... Đam Săn nói: “Nếu tôi lấy HơNhí thì tôi sẽ thành tù trưởng giàu mạnh có nhiều chiêng nùm, chiêng bằng” (1, tr.154). Có thể thấy, công chiêng xuất hiện trong sử thi với tần suất cao, phản ánh sâu sắc mọi mặt đời sống, sinh hoạt của người Tây Nguyên. Các trích dẫn trên là những minh họa sinh động về vai trò của công chiêng trong tâm thức các dân tộc Tây Nguyên. Với sự ảnh hưởng như vậy, công chiêng xứng đáng chiếm một vị trí quan trọng trong văn hóa của vùng đất này.

Ngoài ra, qua sử thi, chúng ta tìm thấy những *quan niệm của con người về nguồn gốc loài người, về các tầng vũ trụ, về linh hồn, thể xác...*, mà truyện thần thoại đã từng đề cập. Chúng ta cũng bắt gặp nhiều câu tục ngữ nói về kinh nghiệm sản xuất, nhất là về răn dạy con người. Hiện nay khi ngồi uống rượu, những ông già bà già người Tây Nguyên vẫn lồng vào bài hát những câu sử thi để khuyên người ta làm những điều tốt đẹp. Sử thi còn có lời nhiều bài cúng sử dụng trong lễ cúng thần. Nhờ vậy, càng làm cho dung lượng phản ánh thực tại của nó thêm rộng lớn.

Tóm lại, thông qua những mô tả chi tiết và sinh động, sử thi đã góp phần tôn vinh những giá trị văn hóa tinh thần của người Tây Nguyên. Đời sống văn hóa tinh thần của những con người nơi đây phản ánh niềm tin thiêng liêng của con người vào cuộc sống. Đó là nguyện vọng, là “hiện thực mơ ước” của con người: muốn sống tốt hơn, ở nơi đẹp hơn trong sự thư thái, sung túc, yên bình tuyệt đối sau những tháng ngày “mặt sắp lưng ngựa” giữa núi rừng nương rẫy.

Việc nghiên cứu sử thi Tây Nguyên có thể giúp ta khám phá ra đặc điểm văn hóa của người Tây Nguyên. Thông qua việc khảo sát thế giới vật chất và tinh thần trong đời sống văn hóa xã hội của người Tây Nguyên qua sử thi, có thể đi đến một nhận định: Đời sống văn hóa của người Tây Nguyên rất đa dạng và phong phú; gắn với núi rừng và cuộc sống cộng đồng làng buôn. Điều đáng chú ý là những sự vật hiện tượng được nói đến trong sử thi đều là những sự vật hiện tượng gần gũi, quen thuộc trong đời sống của người Tây Nguyên, nói lên những vấn đề xã hội, những suy nghĩ, tâm trạng và quan niệm của con người. Người nghệ nhân dân gian đã thổi sinh khí của đời sống làng buôn, thổi hồn thời đại vào các sự vật, làm cho chúng trở nên sống động. Một thực tế đáng e

ngại là những giá trị văn hóa của người Tây Nguyên đang dần bị mai một và mất đi cùng với quá trình vận động và phát triển của cuộc sống hiện đại. Làm sao để duy trì và phát huy các giá trị văn hóa Tây Nguyên là câu hỏi nhức nhối đang đặt ra với những người yêu Tây Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Hoàn (chủ biên). Đam San, sử thi Êđê. H.: Khoa học xã hội, 1982.
2. Phan Thị Hồng (sưu tầm và dịch) Giông nghèo tám vợ, Tre Vắt ghen ghét Giông, Trường ca dân tộc Bana. H.: Văn hóa dân tộc, 1996.
3. Phan Thị Hồng (sưu tầm và dịch). Giông, Giở mồ côi từ thuở bé, Sử thi dân tộc Bana. Đà Nẵng: Đà Nẵng, 2002.
4. Nhiều tác giả. Kho tàng sử thi Tây Nguyên - Giông cứu nàng Rang Hu. H.: Khoa học xã hội, 2006.
5. Nhiều tác giả. Kho tàng sử thi Tây Nguyên – Trâu bon Tiăng chạy đến bon Krông, Lơng con Jiăng. H.: Khoa học xã hội, 2006.
6. Đặng Văn Lung, Sông Thao. Tuyển tập Văn học dân gian – Truyện thơ, sử thi, tập V. H.: Giáo dục, 2001.